

Số: **910** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **16** tháng **4** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy
Học kỳ II năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016 của Liên bộ Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 07/HD-ĐHV ngày 02/06/2016 của Trường Đại học Vinh về thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-ĐHV ngày 15/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét hồ sơ xin miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2020 - 2021 của sinh viên và kết luận của Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 08/04/2021;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí cho 226 sinh viên, giảm 70% học phí cho 60 sinh viên, giảm 50% học phí cho 28 sinh viên hệ chính quy (có danh sách kèm theo) học kỳ II năm học 2020 - 2021 (5 tháng), tổng số tiền là 1.461.125.000 đồng (một tỷ, bốn trăm sáu mươi một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Công tác chính trị - Học sinh sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các viện, khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 2;

- Lưu: HCTH, CTCTHSSV. ✓

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Huy Bàng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số **910** /QĐ-ĐHV ngày **16** tháng **4** năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khóa	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	1	Đinh Thị Thu Uyên	165TDV200106	57	57K	CNTP	CNHS-MT	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187792240	0357782345	106003634309	Vietinbank
2	2	Đặng Thị Hiền	165TDV200140	57	57K	CNTP	CNHS-MT	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187576200	0983351457	102003634285	Vietinbank
3	3	Nguyễn Sỹ Anh Quốc	1755254010100025	58	58K	CNTP	CNHS-MT	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187782589	0388303800	100867628258	Vietinbank
4	4	Trần Thị Xuân Trà	1755254010100040	58	58K	CNTP	CNHS-MT	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		585.000	5	2.925.000	187696085	0356402401	100867628273	Vietinbank
5	5	Lưu Việt Hoàng	1755254010100048	58	58K	CNTP	CNHS-MT	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		585.000	5	2.925.000	187792278	0388766648	105867628280	Vietinbank
6	6	Moong Thị Lam	18577203010011	59	59B	CNTP	CNHS-MT	DTTS, HCN	Miễn	Khơ mú	1.170.000	5	5.850.000	187783405	0828641689	104869192918	Vietinbank
7	7	Nguyễn Thị Uyên Nhi	205754010110011	61	61K	CNTP	CNHS-MT	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187974434	0366905258	109872514525	Vietinbank
8	8	Nguyễn Thị Kiều	205754010110007	61	61K	CNTP	CNHS-MT	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Thỏ	819.000	5	4.095.000	187959571	0373941965	103872514521	Vietinbank
9	9	Trần Vũ Thủy Linh	19577203010031	60	60B	Điều dưỡng	CNHS-MT	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	184430087	0335352658	109870845780	Vietinbank
10	10	Lâu Ý Là	19577203010039	60	60B	Điều dưỡng	CNHS-MT	DTTS, HN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187865284	0847371636	102870845787	Vietinbank
11	11	Nguyễn Xuân Út	19577203010001	60	60B	Điều dưỡng	CNHS-MT	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187811915	0845005012	102870845750	Vietinbank
12	1	Cút Thị Chiến	1755214011400031	58	58B	QLGD	Giáo dục	DTTS, HCN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187694957	01647756713	105867694841	Vietinbank
13	2	Nguyễn Thị Thanh Sơn	18571401140003	59	59B	QLGD	Giáo dục	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187799792	01683436206	106869107607	Vietinbank
14	3	Sầm Thị Nhiên	19571401140023	60	60B	QLGD	Giáo dục	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187785526	0852557301	104870785545	Vietinbank
15	4	Trương Thị Nương	19571401140014	60	60B	QLGD	Giáo dục	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187786748	0392868545	102870785547	Vietinbank
16	5	Nguyễn Thị Tâm	19571401140011	60	60B	QLGD	Giáo dục	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187855048	0336969024	100870785549	Vietinbank
17	6	Vì Thị Kim Dung	205714011410004	61	61B	QLGD	Giáo dục	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187836981	0335357297	105872494001	Vietinbank
18	1	Đoàn Thị Minh Hương	18573201010015	59	59B	Báo chí	KHXH&NV	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184352380	0964878297	102869053419	Vietinbank
19	2	Nguyễn Đình Võ	205732010110011	61	61B	Báo chí	KHXH&NV	Con mồ côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	188030419	0522127559	109872373539	Vietinbank
20	3	Nguyễn Thị Thoa	1755231020100009	58	58B	Chính trị học	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187783058	01695622303	100867743924	Vietinbank
21	4	Xeo Thị Sứ	1755231020100001	58	58B	Chính trị học	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187564690	01663033560	104867743605	Vietinbank
22	5	Lý Bá Châu	1755231020100003	58	58B	Chính trị học	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Mông	980.000	5	4.900.000	187693463	0944829337	104867743620	Vietinbank
23	6	Hồ Bá Rê	1755231020100011	58	58B	Chính trị học	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Mông	686.000	5	3.430.000	187694055	01252820038	105867743929	Vietinbank
24	7	Moong Văn Bún	1755231020100012	58	58B	Chính trị học	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Khơ mú	686.000	5	3.430.000	187692718	01258593453	107868049144	Vietinbank
25	8	Lâu Ý Lý	1755222034200008	58	58B	Chính trị học	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187780726	0948415653	108867649184	Vietinbank
26	9	Vì Thị Trang	1755276010100023	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187779222	01652520353	105867596023	Vietinbank
27	10	Lữ Thị Kim Cúc	1755276010100007	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187712295	01698231362	106867596007	Vietinbank
28	11	Kha Thị Tầm	1755276010100002	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187779678	0965721164	101867596002	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khóa	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
29	12	Già Bá Súa	1755276010100018	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	H'Mông	686.000	5	3.430.000	187672446	0943673914	108867596018	Vietinbank
30	13	Kha Văn Hằng	1755276010100017	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187693278	01677154399	109867596017	Vietinbank
31	14	Hoa Trung Uy	1755276010100020	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187695049	01643433771	108867596020	Vietinbank
32	15	Chích Văn Quy	1755276010100032	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187695046	0967172105	107867649203	Vietinbank
33	16	Vì Thị Ngọc Châu	1755276010100019	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187567941	01257132699	107867596019	Vietinbank
34	17	Xeo Văn Hằng	1755276010100025	58	58B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187567330	01259640142	103867596025	Vietinbank
35	18	Đoàn Thị Thanh Thảo	185776010100007	59	59B	CTXH	KHXH&NV	Con mồ côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	184360974	0915587224	108869053440	Vietinbank
36	19	Lữ Thủy Kiều	185776010100005	59	59B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187865444	0973408130	102869053433	Vietinbank
37	20	Hạ Y Nu	185776010100010	59	59B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	H'Mông	686.000	5	3.430.000	187865869	01696826795	107869053438	Vietinbank
38	21	Lý Y Æi	195776010100011	60	60B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187780535	0947798469	104870628469	Vietinbank
39	22	Vì Văn Thảo	195776010100001	60	60B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187643962	0366159725	103870628460	Vietinbank
40	23	Vì Thị Ngà	205776010110008	61	61B	CTXH	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187642283	0378467680	103867803303	Vietinbank
41	24	Quang Thị Ái Du	205781010110027	61	61B	Du lịch	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	188000046	0335245395	102872373551	Vietinbank
42	25	Ng. Thị Hoài Thương	205781010110007	61	61B	Du lịch	KHXH&NV	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187916853	0356252036	106872373572	Vietinbank
43	26	Ng. Thị Như Hội	205781010110019	61	61B	Du lịch	KHXH&NV	Con người nhiễm chất độc da cam	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	188003639	0365447841	106872373557	Vietinbank
44	27	Moong Văn Mư	18573102050002	59	59B	QLNN	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187866218	01297759459	105868888030	Vietinbank
45	28	Lý Bá Mạnh	18573102050004	59	59B	QLNN	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187666428	0972763509	102869053446	Vietinbank
46	29	Nguyễn Thị Khánh Hòa	18573102050003	59	59B	QLNN	KHXH&NV	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184366932	01656711031	103869053445	Vietinbank
47	30	Hồ Y Tàu	19573102050001	60	60B	QLNN	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187867228	0388868639	105870628471	Vietinbank
48	31	Và Y Cờ	19573102050003	60	60B	QLNN	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Mông	686.000	5	3.430.000	187866760	0343258501	104870924967	Vietinbank
49	32	Vì Văn Sư	19573102050002	60	60B	QLNN	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187838437	0387489306	104870628472	Vietinbank
50	33	Thỏ Bá Hải	205731020510003	61	61B	QLNN	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187931646	0972934770	108872373582	Vietinbank
51	34	Lô Mạnh Đình	205731020510004	61	61B	QLNN	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187836445	0961439430	109872373579	Vietinbank
52	35	Vô Thị Tú Uyên	1755222011300039	58	58B1	VNH	KHXH&NV	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187819548	0964379702	108867595998	Vietinbank
53	36	Đào Thị Thảo Vy	1755222011300032	58	58B1	VNH	KHXH&NV	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187698101	0962690400	105867595991	Vietinbank
54	37	Trương Thị Hồng Hạnh	18573106300026	59	59B1	VNH	KHXH&NV	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184394970	0965825164	106869048099	Vietinbank
55	38	Đặng Tuấn Dũng	18573106300004	59	59B1	VNH	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187700062	01695132247	104869048091	Vietinbank
56	39	Nguyễn Duy Tuấn	18573106300044	59	59B2	VNH	KHXH&NV	SV Khuyết tật, HCN	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187911371	0868208706	109869048154	Vietinbank
57	40	Vì Thị Hòa	18573106300075	59	59B2	VNH	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187762149	01632493117	103869048135	Vietinbank
58	41	Lo Thị Văn	18573106300052	59	59B2	VNH	KHXH&NV	DTTS, HN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187644355	0941170042	105869048158	Vietinbank
59	42	Sâm Thị Quỳnh Liên	18573106300076	59	59B2	VNH	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187643909	374050065	100869048138	Vietinbank
60	43	Nguyễn Thị Đào	19573106300047	60	60B	VNH	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Thỏ	819.000	5	4.095.000	187768333	0976563605	104870628445	Vietinbank
61	44	Nguyễn Hương Giang	19573106300060	60	60B	VNH	KHXH&NV	DTTS, VĐBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187841086	0971041147	103870628458	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khóa	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
62	45	Nguyễn Thị Hà	19573106300006	60	60B	VNH	KHXH&NV	Con mồ côi	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184432429	0889804044	107870628402	Vietinbank
63	46	Vì Thị Ánh Linh	19573106300012	60	60B	VNH	KHXH&NV	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187775743	0384945910	101870628408	Vietinbank
64	47	Lữ Tuấn Linh	19573106300058	60	60B	VNH	KHXH&NV	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187770176	0971095046	105870628456	Vietinbank
65	48	Dương Thị Minh Tâm	19573106300045	60	60B	VNH	KHXH&NV	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187924997	0367060491	107870628442	Vietinbank
66	49	Lương Thị Phương Thảo	19573106300017	60	60B	VNH	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187841989	0839942628	108870628414	Vietinbank
67	50	Mạc Thị Kiều Trang	19573106300027	60	60B	VNH	KHXH&NV	DTTS, HCN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187839265	0854381157	101870628423	Vietinbank
68	1	Nguyễn Thị Thái	1755234030100273	58	58B1	Kế toán	Kinh tế	Con người nhiễm chất độc da cam	Miễn		980.000	5	4.900.000	187823160	01258520115	101867554985	Vietinbank
69	2	Võ Thị Châu	1755234030100007	58	58B2	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187594611	01292086099	106867556609	Vietinbank
70	3	Trần Thị Hồng Ngọc	1755234030100023	58	58B2	Kế toán	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184385455	0971447675	105867556640	Vietinbank
71	4	Kiều Lê Ngọc Diệp	1755234030100041	58	58B3	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184362093	01253971706	101867568834	Vietinbank
72	5	Dương Đình Thắng	1755234030100209	58	58B3	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187758149	0981454154	105867568867	Vietinbank
73	6	Lê Thị Thanh	1755234030100219	58	58B5	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187755917	01676391101	107867569455	Vietinbank
74	7	Đào Thị Kim Ngân	1755234030100356	58	58B6	Kế toán	Kinh tế	Con mồ côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	184322891	1652816613	103867569504	Vietinbank
75	8	Phan Thị Thu Hoài	1755234030100473	58	58B8	Kế toán	Kinh tế	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187587372	01686655008	102867570317	Vietinbank
76	9	Lê Thị Trà Giang	1755234030100483	58	58B8	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187762567	0968165646	103867570303	Vietinbank
77	10	Trương Thị Thơ	1755234030100489	58	58B9	Kế toán	Kinh tế	DTTS, HCN	Miễn	Thỏ	980.000	5	4.900.000	187642589	01665233676	102867649056	Vietinbank
78	11	Hoàng Tùng	1755234030100130	58	58B4	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184321764	0983338508	108867568947	Vietinbank
79	12	Lương Hoài Nhi	1755234030100243	58	58B4	Kế toán	Kinh tế	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187666363	0966544675	103867568927	Vietinbank
80	13	Trần Thị Huyền Trang	1755234030100114	58	58B4	Kế toán	Kinh tế	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187801416	0969698158	100867568945	Vietinbank
81	14	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1755234030100276	58	58B5	Kế toán	Kinh tế	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187755633	0379450971	103867569447	Vietinbank
82	15	Lang Thị Tiền	18573403010214	59	59B1	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187832815	01648832801	107869241254	Vietinbank
83	16	Hồ Dương Nguyệt Ánh	18573403010212	59	59B1	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187845869	0973359661	101869241211	Vietinbank
84	17	Nguyễn Thị Vân	18573403010141	59	59B1	Kế toán	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187872051	0944573829	109869241264	Vietinbank
85	18	Phạm Ngọc Hằng	18573403010215	59	59B1	Kế toán	Kinh tế	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187757597	01656136258	102869241222	Vietinbank
86	19	Sử Thị Út Loan	18573403010258	59	59B2	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184345714	0968130775	108869241375	Vietinbank
87	20	Phạm Thị Thắm	18573403010216	59	59B2	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184413356	0382930912	100869241397	Vietinbank
88	21	Lưu Kiều Linh	18573403010384	59	59B2	Kế toán	Kinh tế	Con người bị bệnh NN	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187829309	0986798464	103869280297	Vietinbank
89	22	Phan Thị Thanh Phương	18573403010440	59	59B3	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187855805	01675429708	106869205057	Vietinbank
90	23	Nguyễn Kim Luyến	18573403010211	59	59B4	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187777769	01292312926	102869205119	Vietinbank
91	24	Hoàng Thị Hồng Quyên	18573403010327	59	59B4	Kế toán	Kinh tế	SV Khuyết tật, HCN	Miễn	Con	980.000	5	4.900.000	187708877	0392418563	104869205129	Vietinbank
92	25	Nguyễn Thị Phương	18573403010436	59	59B5	Kế toán	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184390835	0826543081	108869205189	Vietinbank
93	26	Trần Thị Khánh Linh	18573403010513	59	59B6	Kế toán	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184382511	01639897846	102868732604	Vietinbank
94	27	Tần Nguyễn Hoàng Anh	18573403010569	59	59B6	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187757471	0966788817	107869280254	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khóa	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
95	28	Vũ Minh Thư	18573403010511	59	59B6	Kế toán	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187837783	0964630868	106869205251	Vietinbank
96	29	Nguyễn Thị Mơ	18573403010565	59	59B8	Kế toán	Kinh tế	Con người nhiễm chất độc da cam	Miễn		980.000	5	4.900.000	1877764497	0814102512	107869280390	Vietinbank
97	30	Đặng Thùy Trang	18573403010355	59	59B8	Kế toán	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187819260	0333015400	103869205363	Vietinbank
98	31	Lê Thị Khánh Huyền	18573403010019	59	59B7 - Kế toán	Kế toán	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thổ	686.000	5	3.430.000	187769264	0868342147	103869205279	Vietinbank
99	32	Đặng Khánh Huyền	18573403010521	59	59B7	Kế toán	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187849219	0377308079	104869205278	Vietinbank
100	33	Trần Thị Ngọc	19573403010332	60	60B1	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187874304	0387282611	103870814996	Vietinbank
101	34	Lộc Kim Chi	19573403010478	60	60B1	Kế toán	Kinh tế	Con mồ côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	187761656	0964464660	107870815024	Vietinbank
102	35	Nguyễn Đức Mạnh	19573403010181	60	60B4	Kế toán	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187827261	0394808737	108870815157	Vietinbank
103	36	Hoàng Lê Quỳnh Như	19573403010127	60	60B6	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184439232	0329176733	107870815270	Vietinbank
104	37	Tăng Thị Phương	19573403010215	60	60B6	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187872188	0385685405	103870815274	Vietinbank
105	38	Lương Thị Huyền Trang	19573403010453	60	60B7	Kế toán	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187879046	0982665820	100870384407	Vietinbank
106	39	Lữ Thị Đàm	19573403010231	60	60B2	Kế toán	Kinh tế	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187931810	0368747263	107870815300	Vietinbank
107	40	Lô Thị Cẩm Tú	19573403010462	60	60B7	Kế toán	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187879618	0818940789	107870815352	Vietinbank
108	41	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	19573403010421	60	60B7	Kế toán	Kinh tế	Con người nhiễm chất độc da cam	Miễn		980.000	5	4.900.000	187880831	0974470234	109870815323	Vietinbank
109	42	Lô Thị Lan Anh	19573403010035	60	60B8	Kế toán	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187712575	0363307133	100870815361	Vietinbank
110	43	Lang Thị Trang	19573403010176	60	60B8	Kế toán	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187767525	0975527172	102870815414	Vietinbank
111	44	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	19573403010399	60	60B4	Kế toán	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187818796	0986465323	107870815146	Vietinbank
112	45	Trần Thị Thu Hương	205734030110134	61	K61B2	Kế toán	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	184452085	0343068844	102872437744	Vietinbank
113	46	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	205734030110480	61	K61B3	Kế toán	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	188003954	0943255167	104872437812	Vietinbank
114	47	Nguyễn Thị Thúy Hòa	205734030110150	61	K61B9	Kế toán	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	188025556	0379153902	103872438102	Vietinbank
115	48	Lê Thị Thùy Trang	205734030110047	61	K61B3	Kế toán	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thổ	686.000	5	3.430.000	187959463	0329453117	109872437804	Vietinbank
116	49	Trương Thị Phương Thảo	205734030110497	61	61B6	Kế toán	Kinh tế	DTTS, HCN	Miễn	Thổ	980.000	5	4.900.000	187901154	0347630808	100872438157	Vietinbank
117	50	Xông Bá Chải	1755262011500002	58	58B1	KTĐT	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187692923	1675238326	105867555040	Vietinbank
118	51	Phạm Xuân Tuấn	1755231010100034	58	58B1	KTĐT	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187737070	0368080789	105867555037	Vietinbank
119	52	Nguyễn Thành Công	1755231010100031	58	58B	KTĐT	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187671149	0398739125	107867555035	Vietinbank
120	53	Vì Huyền Trang	18573101010046	59	59B1	KTĐT	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187770148	0948979384	103003779928	Vietinbank
121	54	Phan Tô Trang	19573101010018	60	60B	KTĐT	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187899417	0384764026	107870864123	Vietinbank
122	55	Hoàng Văn Tiến	19573101010050	60	60B	KTĐT	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187715724	0948803145	109870864121	Vietinbank
123	56	Bùi Thị Thu Giang	1755234010100075	58	58B1	QTKD	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184361248	0943540031	102867556560	Vietinbank
124	57	Trần Thị Trà My	1755234010100092	58	58B2	QTKD	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187818615	0965942907	108867568046	Vietinbank
125	58	Nguyễn Mậu Đồng	18573401010092	59	59B2	QTKD	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184371815	0969567628	105869241422	Vietinbank
126	59	Nguyễn Văn Thanh	18573401010113	59	59B3	QTKD	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thổ	686.000	5	3.430.000	187879263	01642427411	103869241297	Vietinbank
127	60	Trần Thanh Hải	18573401010049	59	59B3	QTKD	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184346475	0968068766	101869241318	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khó a	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
128	61	Phạm Thị Phương	19573401010059	60	60B2	QTKD	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187925859	0394111782	105870815532	Vietinbank
129	62	Phan Văn Công	19573401010162	60	60B2	QTKD	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187825308	0335034253	100870815494	Vietinbank
130	63	Phan Thị Hoa Hồng	19573401010058	60	60B2	QTKD	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184398746	0942422065	101870815509	Vietinbank
131	64	Phạm Đức Linh Đề	19573401010163	60	60B2	QTKD	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184185669	0905736013	100870815500	Vietinbank
132	65	Lữ Thị Hải	19573401010148	60	60B2	QTKD	Kinh tế	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187903545	0855135193	107870815503	Vietinbank
133	66	Lô Tấn Thủy	19573401010045	60	60B2	QTKD	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187836696	0945823987	108870815539	Vietinbank
134	67	Nguyễn Thị Thanh Bình	19573401010214	60	60B2	QTKD	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	037301001256	0339524832	104870924970	Vietinbank
135	68	Nguyễn Thị Thúy Ngân	19573401010178	60	60B3	QTKD	Kinh tế	Con người nhiễm chất độc da cam	Miễn		980.000	5	4.900.000	187898006	0962763327	107870863994	Vietinbank
136	69	Lê Thị Thảo Nhi	19573401010190	60	60B1	QTKD	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187756429	0981563699	108870815457	Vietinbank
137	70	Sầm Thị Thùy Linh	18573402010064	59	59B	TCNH	Kinh tế	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187642398	0965055432	104003796227	Vietinbank
138	71	Nguyễn Thị Cẩm Tú	18573402010030	59	59B	TCNH	Kinh tế	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187819160	01662433149	105867853476	Vietinbank
139	72	Hoàng Nghĩa Thành	18573402010072	59	59B	TCNH	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187845408	01643109462	101869205461	Vietinbank
140	73	Đặng Thị Vinh	19573402010052	60	60B2	TCNH	Kinh tế	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187898358	0393182221	102870864073	Vietinbank
141	74	Nguyễn Đức Lưu	205734020110025	61	61B1	TCNH	Kinh tế	Con liệt sỹ	Miễn		980.000	5	4.900.000	187858822	0975948871	109872473726	Vietinbank
142	75	Võ Nữ Thiện Tâm	205734020110060	61	61B1	TCNH	Kinh tế	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187967206	0978237860	9704151722831659	Vietinbank
143	76	Lương Thị Phương	205734020110068	61	61B1	TCNH	Kinh tế	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187901586	0377894897	104871215092	Vietinbank
144	1	Nguyễn Quang Nghĩa	165TDV200157	57	57K	CNKTĐĐT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184318160	0985800504	102003634258	Vietinbank
145	2	Mạnh Đức Lộc	165TDV200433	57	57K	CNKTĐĐT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187758957	01629594545	103003762961	Vietinbank
146	3	Nguyễn Cảnh Việt	165TDV200005	57	57K	CNKTĐĐT	KTCN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187513098	01674118958	107003634278	Vietinbank
147	4	Lộc Văn Quyết	165TDV200007	57	57K	CNKTĐĐT	KTCN	DTTS, HCN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187558253	0964590810	100003634262	Vietinbank
148	5	Lê Hoàng Lâm	165TDV200112	57	57K	CNKTĐĐT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187756022	01656281188	106003634254	Vietinbank
149	6	Lê Văn Hà	1755251030100069	58	58K	CNKTĐĐT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184242585	1652109876	104867641722	Vietinbank
150	7	Tô Vĩnh Anh	1755251030100012	58	58K	CNKTĐĐT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184360219	0968315702	108867641703	Vietinbank
151	8	Phan Bá Dũng	18575103010017	59	59K	CNKTĐĐT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184322124	0942708956	108869192661	Vietinbank
152	9	Cao Huy Công	18575103010023	59	59K	CNKTĐĐT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187715688	01665032787	103869192660	Vietinbank
153	10	Hà Văn Hưng	18575103010045	60	59K	CNKTĐĐT	KTCN	Con mồ côi	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187832556	0888086536	108869192678	Vietinbank
154	11	Trần Đức Anh	205748020110032	61	61K1	CNKTĐĐT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187896774	0373737863	1016208123	Vietcombank
155	12	Hồ Ngọc Hào	18575102050042	59	59K	CNKT-OT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184377666	01666373231	101869192756	Vietinbank
156	13	Phạm Sỹ Hiệp	19575102050037	60	60K	CNKT-OT	KTCN	Con mồ côi	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187761305	982671861	108870845958	Vietinbank
157	14	Nguyễn Đình Hoan	205751020510019	61	61K1	CNKT-OT	KTCN	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	038202007710	0359622433	107872413994	Vietinbank
158	15	Hoàng Đức Anh	155D5202160051	56	56K2	KTDK&TĐH	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187441348	01666931595	100002626545	Vietinbank
159	16	Phạm Đức Cường	165TDV200256	57	57K	KTDK&TĐH	KTCN	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184350439	01637665445	105003399050	Vietinbank
160	17	Nguyễn Thế Tài	165TDV200315	57	57K	KTDK&TĐH	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187728400	0169744741	107003634355	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khó a	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
161	18	Nguyễn Duy Tý	1755252021600043	58	58K	KTDK&TĐH	KTCN	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187729553	01653148797	105867641830	Vietinbank
162	19	Phan Tuấn Đức	1755252021600018	58	58K	KTDK&TĐH	KTCN	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187796794	01692050677	107867641801	Vietinbank
163	20	Nguyễn Tiến Đạt	18575202160006	59	59K	KTDK&TĐH	KTCN	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187847612	0869627100	106869192712	Vietinbank
164	21	Phạm Quang Vinh	18575202160018	59	59K	KTDK&TĐH	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187759295	01882060382	107869192748	Vietinbank
165	22	Trần Văn Tiến	19575202160004	60	60K	KTDK&TĐH	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187855418	0347887552	109870845972	Vietinbank
166	23	Đinh Văn Ngải	205752021610045	61	61K	KTDK&TĐH	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187955036	0394729300	108872414089	Vietinbank
167	24	Lưu Xuân Trường	205748010310013	61	61K5	KTPM	KTCN	Con liệt sỹ	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187863153	356031829	103872383622	Vietinbank
168	25	Chu Trí Đức	165TDV200280	57	57K1	CNTT	KTCN	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		585.000	5	2.925.000	187624252	0967311940	100003004730	Vietinbank
169	26	Trần Ngọc Anh Tuấn	165TDV200406	57	57K1	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187406205	01634391906	108007051503	Vietinbank
170	27	Phan Kim Hòa	165TDV200128	57	57K2	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187585741	0964696420	102003762962	Vietinbank
171	28	Nguyễn Viết Toàn	165TDV200018	57	57K2	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184339205	0941172085	105003634406	Vietinbank
172	29	Hoàng Công Pháp	165TDV200403	57	57K2	CNTT	KTCN	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		585.000	5	2.925.000	187574832	0987278896	100003634401	Vietinbank
173	30	Lê Viết Hoàng	165TDV200473	57	57K3	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184266806	01656143579	105003634421	Vietinbank
174	31	Trần Hoài Ước	165TDV200052	57	57K3	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184266806	01682201090	100003634438	Vietinbank
175	32	Phan Trọng Quyết	165TDV200169	57	57K3	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184298378	1647863939	106002913264	Vietinbank
176	33	Vương Thái Quân	1755248020100014	58	58K1	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184118338	0919591646	108867592497	Vietinbank
177	34	Dương Trí Phong	1755248020100033	58	58K1	CNTT	KTCN	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		585.000	5	2.925.000	184353891	01627776685	104867592491	Vietinbank
178	35	Nguyễn Hữu Thái	1755248020100004	58	58K1	CNTT	KTCN	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		585.000	5	2.925.000	187587176	01652609986	107867592504	Vietinbank
179	36	Vì Văn Bảy	1755248020100088	58	58K3	CNTT	KTCN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187774308	01664772338	100867592580	Vietinbank
180	37	Nguyễn Đức Thắng	1755248020100094	58	58K3	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187842515	01235542299	101867592622	Vietinbank
181	38	Và Bá Pênh	1755248020100108	58	58K3	CNTT	KTCN	DTTS, HN	Miễn	H"mông	1.170.000	5	5.850.000	187694944	01693238210	107867592614	Vietinbank
182	39	Ngân Văn Thiện	1755248020100188	58	58K4	CNTT	KTCN	DTTS, HN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187773752	01669936425	108867592677	Vietinbank
183	40	Lương Hữu Quyết	18574802010154	59	59K1	CNTT	KTCN	DTTS, HN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187784576	0981214057	102869107831	Vietinbank
184	41	Nguyễn Trương Duy Tùng	18574802010052	59	59K1	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187841609	0922314704	105869108019	Vietinbank
185	42	Thái Anh Đức	18574802010081	59	59K1	CNTT	KTCN	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		585.000	5	2.925.000	187863376	0965150327	102869436802	Vietinbank
186	43	Hoàng Đình Đức Hiếu	18574802010067	59	59K2	CNTT	KTCN	Con người nhiễm chất độc da cam	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187727711	0974122470	104869107854	Vietinbank
187	44	Vì Đức Thủ	19574802010266	60	60K1	CNTT	KTCN	DTTS, HN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187479615	0339673345	102003044899	Vietinbank
188	45	Lê Thị Thu Trà	19574802010139	60	60K2	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187800939	0945788917	100870845644	Vietinbank
189	46	Đặng Đình Phùng	19574802010068	60	60K1	CNTT	KTCN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187777689	0954375456	107870845591	Vietinbank
190	47	Trần Văn Quyền	19574802010166	60	60K3	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187892587	0368825167	101870845670	Vietinbank
191	48	Bùi Nguyễn Đức Quân	205748020110021	61	61K1	CNTT	KTCN	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		585.000	5	2.925.000	187897762	0582211229	10387238416	Vietinbank
192	49	Lê Thị Hoài Thương	205748020110216	61	61K4	CNTT	KTCN	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187887510	0989226428	100872383594	Vietinbank
193	50	Lô Thị Trúc	205748020110086	61	61K4	CNTT	KTCN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thanh	819.000	5	4.095.000	187958248	0328347899	101872383554	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khóa	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
194	51	Phan Đình Anh	205748020110212	61	61K5	CNTT	KTCN	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187859015	0961470643	107872210054	Vietinbank
195	52	Vì Văn Thóa	205748020110263	61	61K5	CNTT	KTCN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	819.000	5	4.095.000	187663056	0387554198	100872924684	Vietinbank
196	53	Mông Mạnh Hưng	205748020110218	61	61K4	CNTT	KTCN	DTTS, HN	Miễn	Thái	1.170.000	5	5.850.000	187835111	0852477114	108872383596	Vietinbank
197	1	Đỗ Đức Thu Hiền	1755238010100196	58	58B1	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187753305	0912630205	10886756487	Vietinbank
198	2	Hoàng Đức Mạnh	1755238010100271	58	58B1	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	051099026	0965886019	107867649216	Vietinbank
199	3	Đặng Tổ Thắng	1755238010100227	58	58B2	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187713770	01242789744	105867586500	Vietinbank
200	4	Lê Huỳnh Tấn Sang	1755238010100170	58	58B2	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187818434	01238100249	106867586493	Vietinbank
201	5	Hồ Thị Mai	1755238010100053	58	58B2	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187734729	0988355624	106867586481	Vietinbank
202	6	Bùi Ngọc Ánh	1755238010100094	58	58B2	Luật học	Luật	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%	Kinh	490.000	5	2.450.000	101294641	01652007019	106867586454	Vietinbank
203	7	Phạm Thị Khánh Huyền	1755238010100161	58	58B3	Luật học	Luật	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187704853	0975886917	102867589237	Vietinbank
204	8	Trần Thị Lan	1755238010100267	58	58B3	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	1841103324	0384686961	102867589240	Vietinbank
205	9	Nguyễn Thanh Lâm	1755238010100260	58	58B3	Luật học	Luật	Con bệnh binh	Miễn	Kinh	980.000	5	4.900.000	187594909	01205480514	100867589239	Vietinbank
206	10	Phạm Quang Huy	1755238010100074	58	58B3	Luật học	Luật	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	174939160	0362998320	107867589232	Vietinbank
207	11	Vũ A Chung	185523801015001	58	58B3	Luật học	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Mông	686.000	5	3.430.000	040901647	0358075966	102870919878	Vietinbank
208	12	Trương Quỳnh Ngọc	1755238010100206	58	58B4	Luật học	Luật	DTTS, HCN	Miễn	Nùng	980.000	5	4.900.000	241800843	0926113223	109867589952	Vietinbank
209	13	Trần Thị Khánh Huyền	1755238010100284	58	58B5	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn	Kinh	980.000	5	4.900.000	184340789	0918519175	107867589979	Vietinbank
210	14	Nguyễn Thị Yến	1755238010100134	58	58B5	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187802069	01684011655	3607205367059	Agribank
211	15	Hà Văn Thái	1755238010100101	58	58B5	Luật học	Luật	DTTS, HN	Miễn	Mường	980.000	5	4.900.000	175071042	01693631239	101003030359	Vietinbank
212	16	Hoàng Văn Trọng	1755238010100047	58	58B5	Luật học	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Tày	686.000	5	3.430.000	085043826	01644127469	100867590009	Vietinbank
213	17	Lô Văn Tư	1755238010100217	58	58B5	Luật học	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	051009708	01637977635	105867589983	Vietinbank
214	18	Cút Thị Vân	1755238010100098	58	58B5	Luật học	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Khơ mú	686.000	5	3.430.000	187781333	0888302808	109867590013	Vietinbank
215	19	Giảng A Sênh	18573801010059	59	59B1	Luật học	Luật	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	051125784	0832574445	104869107649	Vietinbank
216	20	Đặng Thành Đạt	18573801010008	59	59B1	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187802670	0915081691	102869107626	Vietinbank
217	21	Hoàng Văn Thắng	18573801010102	59	59B1	Luật học	Luật	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184341836	0337781707	106869107661	Vietinbank
218	22	Bùi Ngọc Linh Chi	18573801010038	59	59B1	Luật học	Luật	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%	Kinh	490.000	5	2.450.000	174526132	0942893926	105869107623	Vietinbank
219	23	Lô Văn Kiên	18573801070104	59	59B1	Luật học	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	H'Mông	686.000	5	3.430.000	040901674	0943187842	102869107707	Vietinbank
220	24	Vũ Thị Thu Trang	18573801010072	59	59B1	Luật học	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	H'Mông	686.000	5	3.430.000	187712543	0374156228	103869107652	Vietinbank
221	25	Vì Văn Âu	18573801010003	59	59B1	Luật học	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187767148	0347104267	106869047719	Vietinbank
222	26	Và Mỹ Châu	18573801010037	59	59B1	Luật học	Luật	DTTS, HN	Miễn	Mông	980.000	5	4.900.000	187657789	0943351667	106869107622	Vietinbank
223	27	Mùa Bá Dền	18573801010083	59	59B2	Luật học	Luật	DTTS, HCN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187865887	01679195670	101869107711	Vietinbank
224	28	Hoa Thị Sơn	18573801010016	59	59B2	Luật học	Luật	DTTS, HN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187695676	01293553070	100869107736	Vietinbank
225	29	Trần Thị Hà Thương	18573801010058	59	59B2	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn	Kinh	980.000	5	4.900.000	187817170	01256770120	106869107743	Vietinbank
226	30	Vì Thị Hằng Nga	18573801010010	59	59B2	Luật học	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187557610	0968553607	109869107725	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khóa	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
227	31	Lê Đức Hai Ngân	18573801010069	59	59B2	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn	Kinh	980.000	5	4.900.000	187819360	0948972000	106869107728	Vietinbank
228	32	Lô Thị Huyền	18573801010021	59	59B2	Luật học	Luật	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	174871635	0832580114	102869107722	Vietinbank
229	33	Nguyễn Thị Nghĩa	18573801010088	59	59B2	Luật học	Luật	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184377689	0962902464	105869107729	Vietinbank
230	34	Lương Văn Thiêm	18573801010067	59	59B2	Luật học	Luật	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187837592	0393481252	109869107740	Vietinbank
231	35	Lê Thị Khánh Huyền	18573801010015	59	59B1	Luật học	Luật	Con thương binh 4/4	Miễn		980.000	5	4.900.000	187896245	0889528862	104869107636	Vietinbank
232	36	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	19573801010012	60	60B2	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187965097	0335696982	103870743933	Vietinbank
233	37	Lê Thị Nguyệt Hà	19573801010056	60	60B2	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	038301018419	0384907988	106869585071	Vietinbank
234	38	Vàng Gi Lành	19573801010050	60	60B2	Luật học	Luật	DTTS, HCN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	051053911	0396414229	108870743953	Vietinbank
235	39	Lương Văn Thương	19573801010085	60	60B2	Luật học	Luật	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187834178	0343351659	102870924972	Vietinbank
236	40	Nguyễn Thị Cẩm Vân	205738010110055	61	61B1	Luật học	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187969684	0968377175	102872537645	Vietinbank
237	41	Phan Ngọc Anh Tuấn	205738010110041	61	61B2	Luật học	Luật	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	045290414	0396034490	7805205099416	Agribank
238	42	Vì Văn Tuấn	1755238010700066	58	58B1	Luật kinh tế	Luật	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187642501	0349744646	107867576560	Vietinbank
239	43	Nguyễn Thị Thủy	1755238010700042	58	58B2	Luật kinh tế	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187796115	01648494230	106867586551	Vietinbank
240	44	Nguyễn Minh Đức	1755238010700106	58	58B2	Luật kinh tế	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184323365	0941670887	106867586512	Vietinbank
241	45	Quang Thị Trang	1755238010700124	58	58B2	Luật kinh tế	Luật	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187774336	0967587090	100867601696	Vietinbank
242	46	Nguyễn Duy Hiếu	1755238010700126	58	58B3	Luật kinh tế	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187817356	01677547963	108867589283	Vietinbank
243	47	Hồ Đình Thế	1755238010700173	58	58B4	Luật kinh tế	Luật	Con thương binh	Miễn	Kinh	980.000	5	4.900.000	187260319	01649282580	106867590070	Vietinbank
244	48	Lô Thị Cúc	1755238010700083	58	58B4	Luật kinh tế	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	174957953	01666641387	105867590029	Vietinbank
245	49	Vì Thị Thủy Linh	18573801070082	59	59B1	Luật kinh tế	Luật	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187879414	0836409993	107869107685	Vietinbank
246	50	Nguyễn Thị Phương Thảo	18573801070068	59	59B2	Luật kinh tế	Luật	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187845686	01638002495	108869107778	Vietinbank
247	51	Xông Bá Lại	18573801070087	59	59B2	Luật kinh tế	Luật	DTTS, HN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187670059	0948470114	100869107790	Vietinbank
248	52	Vì Thị Trinh	18573801070105	59	59B2	Luật kinh tế	Luật	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187710205	01699137735	106869107794	Vietinbank
249	53	Đặng Văn Đình	18573801070101	59	59B2	Luật kinh tế	Luật	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184394704	0948729658	100869107788	Vietinbank
250	54	Moong Văn Hải	19573801070068	60	60B	Luật kinh tế	Luật	DTTS, HCN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187865556	0827209327	106870743982	Vietinbank
251	55	Lương Thị Hương	19573801070065	60	60B	Luật kinh tế	Luật	DTTS, HN	Miễn	Khơ mú	980.000	5	4.900.000	187781178	0354439862	101870924973	Vietinbank
252	56	Lê Thị Thanh Na	19573801070028	60	60B	Luật kinh tế	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187818815	0828685242	100870744007	Vietinbank
253	57	Vì Văn Tùng	19573801070023	60	60B	Luật kinh tế	Luật	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187569879	0835094798	104870744030	Vietinbank
254	58	Nguyễn Văn Nguyên	19573801070042	60	60B	Luật kinh tế	Luật	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187908756	0799163643	109870744008	Vietinbank
255	59	Lo Văn Hạnh	19573801070066	60	60B	Luật kinh tế	Luật	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187841768	0374799429	105870743983	Vietinbank
256	60	Sầm Minh An	205738010710011	61	61B	Luật kinh tế	Luật	Con mồ côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	187834567	0386600887	104872464512	Vietinbank
257	61	Trần Thị Thảo	205738010710061	61	61B	Luật kinh tế	Luật	Con mồ côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	184460715	0868892473	109872537699	Vietinbank
258	1	Trương Thị Phiên	1755262010500001	58	58K	Chăn nuôi	NN&TN	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187643769	1253229670	106867606737	Vietinbank
259	2	Lương Văn Mạnh	1755262010200002	58	58K	Chăn nuôi	NN&TN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187671274	944856127	104867606739	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khóa	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
260	3	Vì Thị Ngân	19576201050007	60	60K	Chăn nuôi	NN&TN	Con mô côi	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187837009	0946735796	102870924969	Vietinbank
261	4	Vì Thị Bích	1755262010900009	58	58K	Nông học	NN&TN	DTTS, HCN	Miễn	Đan lai	980.000	5	4.900.000	187671468	1299457013	107867606749	Vietinbank
262	5	Hà Văn Công	1755262010900003	58	58K	Nông học	NN&TN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187830566	0941785945	100867606746	Vietinbank
263	6	Lâu Y Dĩnh	19576201090001	60	60K	Nông học	NN&TN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	H'Mông	686.000	5	3.430.000	187867219	0812790797	103870845829	Vietinbank
264	7	Lô Văn Đình	19576201090007	60	60K	Nông học	NN&TN	DTTS, HN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187940386	0855158184	101870845833	Vietinbank
265	8	Lương Thị Hoài Nam	19576201090004	60	60K	Nông học	NN&TN	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187841622	0356927853	105870845827	Vietinbank
266	9	Vì Thị Thanh Thúy	19576201090009	60	60K	Nông học	NN&TN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187838984	0843156086	100870845834	Vietinbank
267	10	Xổng Bá Tu	2057620190002	61	61K	Nông học	NN&TN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	H'Mông	686.000	5	3.430.000	187868880	0854215366	100872465581	Vietinbank
268	11	Ngô Ngọc Quý	19576203010020	60	60K	NTTS	NN&TN	Con bệnh binh	Miễn	CTB	980.000	5	4.900.000	174852284	0337473548	101870849976	Vietinbank
269	12	Đặng Thế Hưng	19576203010021	60	60K	NTTS	NN&TN	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187804285	0985938066	100870845861	Vietinbank
270	13	Nguyễn Thị Minh Châu	18578501010005	59	59K	QLTN&MT	NN&TN	Con thương binh	Miễn	Kinh	980.000	5	4.900.000	187757814	01664871815	105869089878	Vietinbank
271	14	Thò Bá Giồng	19578501010010	60	60K	QLTN&MT	NN&TN	DTTS, HN	Miễn	H'Mông	980.000	5	4.900.000	187830194	0919815651	101870845860	Vietinbank
272	15	Và Bá Thò	19578501010002	60	60K	QLTN&MT	NN&TN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	H'Mông	686.000	5	3.430.000	187930713	0383944704	106870845841	Vietinbank
273	1	Nguyễn Minh Hiếu	1755222020100040	58	58B2	NNA	SPNN	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187817112	0943357937	104867611534	Vietinbank
274	2	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1755222020100021	58	58B1	NNA	SPNN	Con liệt sỹ	Miễn		980.000	5	4.900.000	187766653	0964125150	105867611476	Vietinbank
275	3	Nguyễn Thị Uyên	1755222020100018	58	58B1	NNA	SPNN	Con mô côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	184334084	0354517928	102867611512	Vietinbank
276	4	Trần Thị Thanh Hoài	1755222020100184	58	58B4	NNA	SPNN	Con mô côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	187842166	0399860296	100867611650	Vietinbank
277	5	Bùi Thị Thu Sang	1755222020100102	58	58B5	NNA	SPNN	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187813343	0983418069	100867611514	Vietinbank
278	6	Nguyễn Thị Thanh Hoa	1755222020100229	58	58B5	NNA	SPNN	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	1878427745	0385115989	109867611624	Vietinbank
279	7	Nguyễn Thị Linh Chi	18572202010132	59	59B3	NNA	SPNN	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187767659	0988901418	105869108130	Vietinbank
280	8	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18572202010075	59	59B1	NNA	SPNN	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	184360782	0904952344	105869449102	Vietinbank
281	9	Phan Thị Hoài	18572202010072	59	59B1	NNA	SPNN	Con người nhiễm chất độc da cam	Miễn		980.000	5	4.900.000	184408256	0372031490	101869108037	Vietinbank
282	10	Lô Thị Hà	18572202010036	59	59B2	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187841224	0854580567	102869108088	Vietinbank
283	11	Thái Ngọc Hiệp	18572202010035	59	59B2	NNA	SPNN	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187587587	0981012132	109869108093	Vietinbank
284	12	Lê Thị Thanh Nga	18572202010010	59	59B2	NNA	SPNN	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187844300	0328980068	102869108106	Vietinbank
285	13	Lê Thị Dung	18572202010196	59	59B3	NNA	SPNN	Con mô côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	187697396	0964887621	102869108133	Vietinbank
286	14	Mạc Thị Xuân Mai	18572202010184	59	59B4	NNA	SPNN	DTTS, HN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187837138	0393587982	101869108198	Vietinbank
287	15	Nguyễn Thị Hoa Phương	18572202010187	59	59B4	NNA	SPNN	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	184358147	0363241545	101869108204	Vietinbank
288	16	Lê Thị Mơ	19572202010162	60	60B5	NNA	SPNN	DTTS, HCN	Miễn	Thỏ	980.000	5	4.900.000	187841865	0348532516	101870698308	Vietinbank
289	17	Lương Thị Nguyệt	19572202010142	60	60B4	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187833966	0338212432	102870698289	Vietinbank
290	18	Cao Thị Thương	19572202010028	60	60B3	NNA	SPNN	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187825304	0343417755	103870698249	Vietinbank
291	19	Nguyễn Thị Thảo Anh	19572202010080	60	60B2	NNA	SPNN	Con mô côi	Miễn		980.000	5	4.900.000	186896036	0949876408	107870698148	Vietinbank
292	20	Nguyễn Thị Thu Hà	19572202010070	60	60B2	NNA	SPNN	Con người bị TNLD	Giảm 50%		490.000	5	2.450.000	187856282	0335634452	100870698157	Vietinbank

STT	TT	Họ và tên	MSSV	Khóa	Lớp	Ngành	Khoa, viện	Đối tượng	Miễn/giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số ĐT	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
293	21	Lang Thị Thảo Chi	19572202010247	60	60B4	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thỏ	686.000	5	3.430.000	187880236	0845336997	105870698261	Vietinbank
294	22	Hà Như Ý	19572202010282	60	60B4	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187834259	0865357523	106870698303	Vietinbank
295	23	Quang Thị Hà Mây	19572202010075	60	60B1	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187931762	0966175101	109870698119	Vietinbank
296	24	Nguyễn Thị Thương	19572202010022	60	60B1	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187712544	0843253999	103870698127	Vietinbank
297	25	Lô Văn Kiên	19572202010193	60	60B5	NNA	SPNN	DTTS, HCN	Miễn	Thái	980.000	5	4.900.000	187931579	0378106212	104870698318	Vietinbank
298	26	Vi Thị Anh	205722020110096	61	61B	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187513763	0328353160	100868564471	Vietinbank
299	27	Lữ Thị Ngọc Linh	205722020110056	61	61B2	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187902431	0903965361	105872490439	Vietinbank
300	28	Lưu Thị Ngọc Bé	205722020110030	61	61B1	NNA	SPNN	Con thương binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187913274	0583295141	104872490374	Vietinbank
301	29	Bùi Thị Sao	205722020110161	61	61B5	NNA	SPNN	Con bệnh binh	Miễn		980.000	5	4.900.000	187813472	0815807646	103872025516	Vietinbank
302	30	Lô Thành Vinh	205722020110308	61	61B4	NNA	SPNN	DTTS, VDBKK	Giảm 70%	Thái	686.000	5	3.430.000	187832640	0869801300	3614205125787	Agribank
303	1	Võ Quang Hải	165TDV200293	57	57K1	KTXD	Xây dựng	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	184268485	01634276570	108002522077	Vietinbank
304	2	Nguyễn Văn Bách	165TDV200108	57	57K1	KTXD	Xây dựng	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187717966	1633242474	104003635389	Vietinbank
305	3	Lê Văn Diệp	165TDV200312	57	57K2	KTXD	Xây dựng	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187128935	976390371	102006414342	Vietinbank
306	4	Nguyễn Đức Trường	165TDV200311	57	57K2	KTXD	Xây dựng	Con bệnh binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	175023962	01633242474	102003635462	Vietinbank
307	5	Đặng Đăng Hoàng	1755258020800080	58	58K1	KTXD	Xây dựng	Con mồ côi	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187759664	01682105053	104867628388	Vietinbank
308	6	Doãn Văn Toàn	1755258020800029	58	58K2	KTXD	Xây dựng	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187745272	0978381490	0101001192415	Vietcombank
309	7	Nguyễn Thanh Hải	18575802010021	59	59K1	KTXD	Xây dựng	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187818266	0961480629	0101001210963	Vietcombank
310	8	Phan Văn Trường	18575802010047	59	59K2	KTXD	Xây dựng	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187696579	0922113190	102869107978	Vietinbank
311	9	Tường Đăng Công	18575802010003	59	59K1	KTXD	Xây dựng	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187805612	0839359816	101869107954	Vietinbank
312	10	Vừ Sỹ Công	205758020110046	61	61	KTXD	Xây dựng	DTTS, VDBKK	Giảm 70%		819.000	5	4.095.000	187997077	0373146213	107869089851	Vietinbank
313	11	Lê Công Bình	1755258020506001	58	58K1	KTXDCTGT	Xây dựng	Con thương binh	Miễn		1.170.000	5	5.850.000	187696292	01653270909	105003511711	Vietinbank
314	12	Vi Văn Phúc	19575802050009	60	60K2	KTXDCTGT	Xây dựng	DTTS, VDBKK	Giảm 70%		819.000	5	4.095.000	187772202	0822087457	107870924964	Vietinbank
Tổng tiền:											292.225.000		1.461.125.000				

Danh sách toàn trường gồm 314 sinh viên, bao gồm:

Miễn 226 Sinh viên
Giảm 70% 60 Sinh viên
Giảm 50% 28 Sinh viên

Tổng tiền: 292.225.000 x 5 tháng = 1.461.125.000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm sáu mươi một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng

TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV

TS. Đặng Thị Thu

Q.TRƯỞNG PHÒNG KH - TC

ThS. Đậu Đăng Tuấn

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng